

KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)

(Kỳ kiểm tra lần thứ 04, ngày 02/10/2022)

(Ban hành theo Quyết định số 78/MYH23/VHU/QĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022)

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.04.001	171A140137	Lê Thị Thuý	An	04/01/1999	Tây Ninh	7.0	3.5	4.5	3.0	18.0	4.5	Rốt	BL: Nói: 7.0
2	VHU.TAC1.04.002	151A140766	Phạm Thị Vân	Anh	05/01/1997	Hải Dương		5.5	6.0	4.0	15.5	3.9	Rốt	
3	VHU.TAC1.04.003	181A140332	Huỳnh Lý Văn	Anh	07/10/2000	Vĩnh Long	5.5	3.0	1.5	5.5	15.5	3.9	Rốt	
4	VHU.TAC1.04.004	171A140151	Trương Thị Hồng	Anh	13/12/1998	TP. Hồ Chí Minh	5.0	2.5	4.0	5.0	16.5	4.1	Rốt	BL: Nói: 5.0
5	VHU.TAC1.04.005	181A140305	Bùi Thị Trúc	Anh	10/07/2000	Bình Phước	5.0	2.5	3.5	3.0	14.0	3.5	Rốt	
6	VHU.TAC1.04.006	171A140265	Lâm Hồng	Châu	13/01/1999	Bình Dương					0.0	0.0	Rốt	Vắng
7	VHU.TAC1.04.007	161A140310	Phạm Công	Danh	05/03/1997	TP.Hồ Chí Minh	5.5	2.0	4.0	4.0	15.5	3.9	Rốt	
8	VHU.TAC1.04.008	181A140466	Phạm Thị Hồng	Đào	24/04/2000	An Giang	5.5	7.0	5.5	4.0	22.0	5.5	Đậu	BL: Nói: 5.5, Đọc: 5.5
9	VHU.TAC1.04.009	181A140473	Nguyễn Minh	Đức	18/11/2000	Kiên Giang	6.0	3.5	2.5	2.0	14.0	3.5	Rốt	BL: Nói: 6.0
10	VHU.TAC1.04.010	181A140089	Nguyễn Thị	Giàu	16/04/1999	Sóc Trăng	5.0	5.0	5.0	5.0	20.0	5.0	Đậu	
11	VHU.TAC1.04.011	171A140394	Lê Thị Thu	Hà	24/01/1999	Tiền Giang	6.0	6.5	6.0	6.0	24.5	6.1	Đậu	BL: Nói: 6.0, Đọc: 6.0
12	VHU.TAC1.04.012	181A140283	Nguyễn Thị Thanh	Hà	09/07/2000	Bình Thuận	5.0	5.0	4.0	3.5	17.5	4.4	Rốt	
13	VHU.TAC1.04.013	181A140393	Âu Cẩm	Hán	14/04/1998	TP. Hồ Chí Minh	6.0	4.5	6.0	4.5	21.0	5.3	Đậu	
14	VHU.TAC1.04.014	181A140315	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	12/11/1999	TP. Hồ Chí Minh	5.0	5.5	3.5	6.0	20.0	5.0	Đậu	BL: Nói: 5.0, Nghe: 5.5, Viết: 6.0
15	VHU.TAC1.04.015	181A140133	Vưu Thanh	Hiếu	23/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	5.0	2.5	3.5	1.5	12.5	3.1	Rốt	
16	VHU.TAC1.04.016	151A140264	Hồ Nguyễn Minh	Hoàng	21/10/1996	Khánh Hoà	5.5	4.0	2.0	3.0	14.5	3.6	Rốt	
17	VHU.TAC1.04.017	171A140388	Lê Minh	Huân	20/12/1999	Bình Định	6.0	8.0	6.5	7.0	27.5	6.9	Đậu	
18	VHU.TAC1.04.018	171A140101	Trần Thị Diễm	Hương	26/08/1999	Bến Tre	6.0	6.0	6.0	2.5	20.5	5.1	Rốt	BL: Nói: 6.0, Đọc: 6.0
19	VHU.TAC1.04.019	181A140310	Đoàn Huỳnh Phi	Khanh	04/01/2000	Kiên Giang	5.0	5.0	2.5	4.0	16.5	4.1	Rốt	
20	VHU.TAC1.04.020	131A140058	Huỳnh Thiên	Lâm	10/09/1995	Tiền Giang	5.0	4.0	5.5	7.0	21.5	5.4	Đậu	BL: Nói: 5.0, Viết: 7.0
21	VHU.TAC1.04.021	181A140114	Phan Thị Mỹ	Lệ	08/08/2000	Ninh Thuận	4.5	4.0	4.0	1.0	13.5	3.4	Rốt	
22	VHU.TAC1.04.022	142A580039	Nguyễn Thị Ngọc	Lệ	29/07/1995	Bến Tre		1.5	2.0	0.0	3.5	0.9	Rốt	
23	VHU.TAC1.04.023	181A140142	Nguyễn Thị Thanh	Loan	17/07/2000	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rốt	Vắng
24	VHU.TAC1.04.024	181A140215	Đỗ Thành	Long	23/06/2000	Hải Phòng	6.5	5.5	5.5	5.0	22.5	5.6	Đậu	BL: Nói: 6.5, Nghe: 5.5
25	VHU.TAC1.04.025	161A140458	Nguyễn Phạm Sao	Mai	16/04/1998	TP. Hồ Chí Minh	5.0	2.5	6.0	5.0	18.5	4.6	Rốt	BL: Nói: 5.0
26	VHU.TAC1.04.026	181A140343	Lê Thị Kim	Ngân	17/09/2000	An Giang	5.0	2.0	4.0	4.5	15.5	3.9	Rốt	
27	VHU.TAC1.04.027	181A140398	Võ Trần Thị Tuyết	Ngân	26/03/2000	Long An	4.5	5.0	4.0	4.5	18.0	4.5	Rốt	BL: Nghe: 5.0
28	VHU.TAC1.04.028	181A140222	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	04/03/2000	Nam Định	5.0	2.5	4.0	2.0	13.5	3.4	Rốt	
29	VHU.TAC1.04.029	118A110028	Nguyễn Hoàng Thiên	Nhi	24/03/2000	Khánh Hoà					0.0	0.0	Rốt	Vắng
30	VHU.TAC1.04.030	181A140246	Huỳnh Thảo	Nhi	07/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	7.0	5.5	4.0	5.5	22.0	5.5	Đậu	
31	VHU.TAC1.04.031	161A140107	Đinh Thị Quỳnh	Như	03/09/1998	Long An	6.0	5.0	5.0	5.5	21.5	5.4	Đậu	BL: Nói: 6.0, Nghe: 5.0
32	VHU.TAC1.04.032	181A140197	Hồ Hồng	Nhung	14/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	5.5	5.5	4.0	4.5	19.5	4.9	Rốt	
33	VHU.TAC1.04.033	181A140277	Nguyễn Minh	Nhựt	08/12/1996	Tiền Giang	5.5	5.5	7.0	5.0	23.0	5.8	Đậu	
34	VHU.TAC1.04.034	181A140154	Đặng Lâm Thúy	Nhuy	10/07/2000	Bình Thuận	5.0	6.5	6.5	0.0	18.0	4.5	Rốt	BL: Nói: 5.0, Nghe: 6.5, Đọc: 6.5
35	VHU.TAC1.04.035	181A140360	A	Nus	06/08/2000	Kon Tum	5.5	2.0	4.0	1.0	12.5	3.1	Rốt	
36	VHU.TAC1.04.036	181A140359	A	Nut	27/07/1999	Kon Tum	5.0	2.0	4.0	3.5	14.5	3.6	Rốt	
37	VHU.TAC1.04.037	216A070026	Lê Thị Thúy	Oanh	13/05/1993	Tiền Giang					0.0	0.0	Rốt	Vắng
38	VHU.TAC1.04.038	181A140365	Phạm Ngọc Lan	Phương	29/06/2000	Lâm Đồng	6.5	7.5	6.0	6.0	26.0	6.5	Đậu	
39	VHU.TAC1.04.039	161A140441	Hà Hoàng	Quân	17/12/1998	TP. Hồ Chí Minh	5.0	3.0	5.0	3.5	16.5	4.1	Rốt	
40	VHU.TAC1.04.040	151A140469	Đào Thị Ngọc	Quyên	06/05/1992	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rốt	Vắng
41	VHU.TAC1.04.041	181A140361	Phạm Hải	Quỳnh	08/12/2000	Thái Bình	8.0	6.0	6.5	7.5	28.0	7.0	Đậu	
42	VHU.TAC1.04.042	171A140009	Trần Thúy	Quỳnh	07/09/1999	TP. Hồ Chí Minh	6.0	7.5	6.0	6.0	25.5	6.4	Đậu	
43	VHU.TAC1.04.043	151A140285	Nguyễn Hoàng	Quỳnh	09/04/1997	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rốt	Vắng
44	VHU.TAC1.04.044	171A140144	Chu Minh Thuý	Quỳnh	10/9/1999	TP. Hồ Chí Minh	6.5	4.5	5.0	4.0	20.0	5.0	Đậu	BL: Nói: 6.5, Đọc: 5.0
45	VHU.TAC1.04.045	171A140147	Nguyễn Lê Hồng	Son	09/02/1999	TP. Hồ Chí Minh	7.0	7.0	7.0	4.0	25.0	6.3	Đậu	BL: Nói: 7.0, Đọc: 7.0
46	VHU.TAC1.04.046	151A140090	Trang Huỳnh Hồng	Thảo	10/07/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.0	6.0	6.0	7.0	27.0	6.8	Đậu	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
47	VHU.TAC1.04.047	191A140185	Trần Thị	Thảo	14/10/2000	Đắk Lắk					0.0	0.0	Rớt	Vắng
48	VHU.TAC1.04.048	151A140319	Hồ Thị Mỹ	Thu	19/04/1997	Bình Định	6.5	8.0	6.5	5.5	26.5	6.6	Đậu	
49	VHU.TAC1.04.049	181A140271	Nguyễn Anh	Thư	10/05/2000	Tiền Giang					0.0	0.0	Rớt	Vắng
50	VHU.TAC1.04.050	181A140108	Hoàng Thị	Thương	01/08/2000	Quảng Bình	5.5	5.5	6.5	2.5	20.0	5.0	Rớt	BL: Nói: 5.5, Đọc: 6.5
51	VHU.TAC1.04.051	181A140072	Nguyễn Hoàng Nhật	Thuyền	27/04/2000	Khánh Hoà	5.5	6.0	5.0	4.0	20.5	5.1	Đậu	BL: Nói: 5.5, Nghe: 6.0
52	VHU.TAC1.04.052	181A140351	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	01/12/2000	Đồng Nai	6.0	6.5	5.5	5.0	23.0	5.8	Đậu	BL: Nói: 6.0, Đọc: 5.5
53	VHU.TAC1.04.053	141A140043	Lê Nguyễn Hoàng	Trâm	25/03/1995	TP. Hồ Chí Minh	5.5	7.5	9.5	4.5	27.0	6.8	Đậu	BL: Nói 5.5
54	VHU.TAC1.04.054	171A140141	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	22/07/1999	TP. Hồ Chí Minh	5.0	2.5	5.5	3.0	16.0	4.0	Rớt	BL: Đọc: 5.5
55	VHU.TAC1.04.055	181A140060	Ngô Mỹ	Trang	17/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	5.0	4.5	4.5	5.5	19.5	4.9	Rớt	
56	VHU.TAC1.04.056	171A140342	Dương Tú	Trình	10/8/1999	TP. Hồ Chí Minh	5.0	7.5	3.5	4.0	20.0	5.0	Đậu	
57	VHU.TAC1.04.057	181A140508	Đoàn Thị Thu	Uyên	01/05/2000	An Giang	5.0	3.5	3.5	4.0	16.0	4.0	Rớt	
58	VHU.TAC1.04.058	151A140156	Nguyễn Hồng	Uyên	07/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	6.0	3.5	6.0	5.0	20.5	5.1	Đậu	BL: Nói: 6.0, Viết: 5.0
59	VHU.TAC1.04.059	181A140153	Tô Thị Thuý	Vi	24/10/2000	Kiên Giang	6.0	7.5	2.5	5.0	21.0	5.3	Rớt	BL: Nói: 6.0, Viết: 5.0
60	VHU.TAC1.04.060	151A140485	Trần Hoàng Lan	Vy	13/11/1997	TP. Hồ Chí Minh		4.5	5.5	2.5	12.5	3.1	Rớt	
61	VHU.TAC1.04.061	171A140194	Huỳnh Thị Kim	Xuân	22/09/1999	Đồng Nai	5.0	0.5	3.5	4.0	13.0	3.3	Rớt	
62	VHU.TAC1.04.062	181A140412	A	Xuyên	20/06/1998	Kon Tum	5.5	4.5	2.0	5.0	17.0	4.3	Rớt	
63	VHU.TAC1.04.063	213A140003	Vô Thị	Yên	02/08/1986	Quảng Nam					0.0	0.0	Rớt	Vắng

Tổng số thí sinh theo danh sách: 63
Số thí sinh dự kiểm tra: 54
Số thí sinh vắng kiểm tra: 09
Số thí sinh rớt: 31
Số thí sinh đậu: 23

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. NGUYỄN MINH ĐỨC